**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA**

**Logo, company name

Description automatically generated**

**KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**

**BÀI TIỂU LUẬN**

***MÔN:* KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**

***ĐỀ TÀI SỐ 3:* PHÂN TÍCH NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NỀN SẢN XUẤT HÀNG HOÁ NHIỀU THÀNH PHẦN Ở VIỆT NAM**

GVHD: Đồng Thị Tuyền

Nhóm SVTH: Nhóm 9

Lớp: Kinh tế chính trị Mác- Lenin 3

Khoá: 2020- 2024

**THÀNH VIÊN NHÓM 9**

**STT MSV Họ và tên**

1 20010914 Nguyễn Đẩu Nghĩa

2 20010010 Nguyễn Hữu Nghĩa

3 20010915 Đỗ Hồng Ngọc

4 20010340 Nguyễn Thị Ngọc

5 20010218 Hoàng Thị Ánh Nguyệt

6 20010728 Vũ Thị Nhâm

7 20010344 Dương Thị Kiều Oanh

8 20010918 Hà Tuấn Phong

9 20010919 Dương Minh Phương

**MỤC LỤC**

**Phần 1: Mở đầu…………………………………………...…...4**

**Phần 2: Nội dung chính……………………………………….5**

1. Những vấn đề lý luận cơ bản về sản xuất hàng hóa……….….5
2. Sản xuất hàng hoá và tính tất yếu………………………….5
3. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá……………………6
4. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá………………..7
5. Liên hệ ở Việt Nam…………………………………………..18

**Phần 3: Kết luận………………………………………………20**

**Phần 4: Tài liệu tham khảo…………………………..………21**

**Phần 1: Mở đầu**

Cho đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX, về cơ bản trong nền kinh tế nước ta sản xuất nhỏ vẫn còn là phổ biến, trạng thái kinh tế tự nhiên hiện vật, tự cung, tự cấp còn chiếm ưu thế, xã hội Việt Nam về cơ bản vẫn dựa trên nền tảng của văn minh nông nghiệp lúa nước, nông dân chiếm đại đa số. Vì vậy, Việt Nam vẫn là nước nghèo nàn, lạc hậu và kém phát triển. Do đó phát triển trở thành nhiệm vụ, mục tiêu số một đối với toàn Đảng, toàn dân ta trong những bước đường đi tới. Muốn vậy phải chuyển nền kinh tế quốc dân sang trạng thái của sự phát triển, là phát triển nền kinh tế thị trường cùng với nó là thực hiện công cuộc công nghiệp hoá- hiện đại hoá. Để làm được điều đó chúng ta cần phải phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN là giải pháp cơ bản để chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn ở nước ta hiện nay. Chuyển nền kinh tế từ hoạt động theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung, hành chính, quan liêu bao cấp sang phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng XHCN là nội dung, bản chất và đặc điểm khái quát nhất đối với nền kinh tế của nước ta trong hiện tại và trong tương lai để đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá hiện- đại hoá để huy động sức mạnh của toàn dân vào việc khắc phục nguy cơ tụt hậu ngày càng xa, cần phải phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Đó là chủ trương có tính chiến lược trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của nước ta hiện nay mà Đảng và Nhà nước ta đã xác định.

Vấn đề “Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN” là giải pháp cơ bản để chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn ở nước ta hiện nay được giải quyết ở trong nội dung của đề án này với những ý chính sau đây.

**Phần 2: Nội dung chính**

**I/** **Những vấn đề lý luận cơ bản về sản xuất hàng hóa**

1. **Sản xuất hàng hóa và tính tất yếu**

Trước tiên chúng ta cần làm rõ khái niệm “hàng hoá” và “sản xuất hàng hoá”. “Hàng hóa” là một hoặc nhiều những sản phẩm của người lao động có thể giúp thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người và dùng nó để trao đổi với nhau nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. “Sản xuất hàng hóa” là hoạt động sản xuất ra những sản phẩm có thể đưa ra thị trường để buôn bán. Hay nói một cách khác, “sản xuất hàng hóa” là một cách thức tổ chức sản xuất mà trong đó các sản phẩm làm ra dùng để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của một bộ phận hoặc đa số bộ phận người dân sử dụng, chứ không phải để đáp ứng cho chính người trực tiếp sản xuất ra hàng hóa.

Vậy sản xuất hàng hóa trong kinh tế chính trị là gì? “Sản xuất hàng hóa” là một khái niệm được sử dụng trong kinh tế chính trị Mac- Lenin dùng để chỉ về kiểu tổ chức kinh tế trong đó sản phẩm được sản xuất ra không phải là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính người trực tiếp sản xuất ra nó mà là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người khác, thông qua việc trao đổi, mua bán trên thị trường. Nói cách khác, toàn bộ quá trình sản xuất- phân phối- trao đổi- tiêu dùng; các câu hỏi sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai đều thông qua hệ thống thị trường và do thị trường quyết định.

Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế phân biệt với sản xuất tự cung tự cấp ở thời kì đầu của lịch sử loài người. Ở thời kì đó, sản phẩm của sự lao động được tạo ra chỉ để phục vụ trực tiếp cho nhu cầu của chính người sản xuất ra chúng. Đây là kiểu tổ chức sản xuất tự nhiên khép kín trong phạm vi từng đơn vị nhỏ, không cho phép mở rộng quan hệ với các đơn vị khác. Vì vậy nó có tích chất bảo thủ, trì trệ, bị giới hạn ở nhu cầu hạn hẹp. Sản xuất tự cung tự cấp thích ứng với thời kỷ lực lượng sản xuất còn chưa phát triển, khi mà lao động thi công chiếm địa vị thống trị. Nó có trong thời kỳ công xã nguyên thủy và tồn tại chủ yếu trong thời kỳ chiếm hữu nô lệ. Trong thời kỳ phong kiến, sản xuất tự cung tự cấp tồn tại dưới hình thái điện trang, thái ấp của địa chỉ và kinh tế nông dân gia trưởng. Khi lực lượng sản xuất phát triển cao, phân công lao động được mở rộng thì dần dần xuất hiện trao đổi hàng hóa. Khi trao đổi hàng hóa trở thành mục đích thường xuyên của sản xuất thì sản xuất hàng hóa ra đời theo đúng quy luật tất yếu của nó.

1. **Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa**

Sản xuất hàng hóa là một phạm trù lịch sử, chỉ xuất hiện và tồn tại trong xã hội khi có những điều kiện nhất định. Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác thì sự ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa phụ thuộc vào hai điều kiện cơ bản sau:

* Phân công lao động xã hội: là sự chuyên môn hóa sản xuất, phân chia lao động xã | hội ra thành các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau của nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, bản thân con người lại có nhiều nhu cầu khác nhau, bởi vậy đòi hỏi phải đi trao đổi sản phẩm của mình để thỏa mãn nhu cầu đó. Phân công lao động xã hội là cơ sở, là tiền đề của sản xuất hàng hóa. Theo C.Mác: “Sự phân công lao động xã hội là điều kiện tồn tại của nền sản xuất hàng hóa, mặc dầu ngược lại, sản xuất hàng hóa không phải là điều kiện tồn tại của sự phân công lao động xã hội. Phân công lao động xã hội càng phát triển, thì sản xuất và trao đổi hàng hóa càng mở rộng hơn, đa dạng hơn”.
* Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất: là những người sản xuất trở thành những chủ thể có sự độc lập nhất định với nhau. Do đó sản phẩm làm ra thuộc quyền sở hữu của các chủ thể kinh tế, người này muốn tiêu dùng sản phẩm lao động của người khác cần phải thông qua trao đổi, mua bán hàng hoá. Trong lịch sử, sự tách biệt này do chế độ tư hữu về tư hữu tư tiêu sản xuất quy định. Trong chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thì tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của mỗi cá nhân và kết quả là sản phẩm làm ra thuộc quyền sở hữu của họ.
* Như vậy: Phân công lao động xã hội làm người sản xuất phụ thuộc vào nhau còn chế độ tư hữu lại chia rẽ làm họ độc lập với nhau. Đây là một mâu thuẫn và mâu thuẫn này chỉ được giải quyết thông qua trao đổi, mua bán sản phẩm của nhau. Chính vì thế, sản xuất hàng hóa bắt nguồn từ yêu cầu của cuộc sống.

1. **Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá**

**a) Đặc trưng của sản xuất hàng hóa**

Sản xuất hàng hóa có những đặc trưng cơ bản sau đây:

* *Thứ nhất,* sản xuất hàng hóa là sản xuất để trao đổi, mua bán. Trong lịch sử loài người tồn tại hai kiểu tổ chức kinh tế khác nhau là sản xuất tự cung, tự cấp và sản xuất hàng hóa. Sản xuất tự cung, tự cấp là kiểu tổ chức kinh tế trong đó sản phẩm được sản xuất ra nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính bản thân người sản xuất như sản xuất của người dân trong thời kỳ công xã nguyên thủy, sản xuất của những người nông dân gia trưởng dưới chế độ phong kiến… Ngược lại, sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế trong đó sản phẩm được sản xuất ra để bán chứ không phải là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính người trực tiếp sản xuất ra nó, tức là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người khác, thông qua việc trao đổi, mua bán.
* *Thứ hai,* lao động của người sản xuất hàng hóa vừa mang tính tư nhân, vừa mang tính xã hội. Lao động của người sản xuất hàng hóa mang tính chất xã hội vì sản phẩm làm ra để cho xã hội, đáp ứng nhu cầu của người khác trong xã hội. Nhưng với sự tách biệt tương đối về kinh tế, thì lao động của người sản xuất hàng hóa đồng thời lại mang tính chất tư nhân, vì việc sản xuất cái gì, như thế nào là công việc riêng, mang tính độc lập của mỗi người. Tính chất tư nhân đó có thể phù hợp hoặc không phù hợp với tính chất xã hội. Đó chính là mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa. Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội là cơ sở, mầm mống của khủng hoảng trong nền kinh tế hàng hóa.

**b) Ưu thế của sản xuất hàng hóa**

So với sản xuất tự cung, tự cấp, sản xuất hàng hóa có những ưu thế hơn hẳn:

* *Thứ nhất:* Sản xuất hàng hóa ra đời trên cơ sở của phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa sản xuất. Do đó, nó khai thác được những lợi thế về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật của từng người, từng cơ sở sản xuất cũng như từng vùng, từng địa phương. Đồng thời, sự phát triển của sản xuất hàng hóa lại có tác động trở lại, thúc đẩy sự phát triển của phân công lao động xã hội, làm cho chuyên môn hóa lao động ngày càng tăng, mối liên hệ giữa các ngành, các vùng ngày càng trở nên mở rộng, sâu sắc. Từ đó, nó phá vỡ tính tự cấp tự túc, bảo thủ, trì trệ, lạc hậu của mỗi ngành, mỗi địa phương làm cho năng suất lao động xã hội tăng lên nhanh chóng, nhu cầu của xã hội được đáp ứng đầy đủ hơn. Khi sản xuất và trao đổi hàng hóa mở rộng giữa các quốc gia, thì nó còn khai thác được lợi thế của các quốc gia với nhau.
* *Thứ hai:* Trong nền sản xuất hàng hóa, quy mô sản xuất không còn bị giới hạn bởi nhu cầu và nguồn lực mang tính hạn hẹp của mỗi cá nhân, gia đình, mỗi cơ sở, mỗi vùng, mỗi địa phương, mà nó được mở rộng, dựa trên cơ sở nhu cầu và nguồn lực của xã hội. Điều đó lại tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng những thành tựu khoa học- kỹ thuật vào sản xuất… thúc đẩy sản xuất phát triển.
* *Thứ ba:* Trong nền sản xuất hàng hóa, sự tác động của quy luật vốn có của sản xuất và trao đổi hàng hóa là quy luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh… buộc người sản xuất hàng hóa phải luôn luôn năng động, nhạy bén, biết tính toán, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, cải tiến hình thức, quy cách và chủng loại hàng hóa, làm cho chi phí sản xuất hạ xuống đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng ngày càng cao hơn.
* *Thứ tư:* Trong nền sản xuất hàng hóa, sự phát triển của sản xuất, sự mở rộng và giao lưu kinh tế giữa các cá nhân, giữa các vùng, giữa các nước… không chỉ làm cho đời sống vật chất mà cả đời sống văn hóa, tinh thần cũng được nâng cao hơn, phong phú hơn, đa dạng hơn.

**c) Nhược điểm của sản xuất hàng hóa**

Có lẽ, nhược điểm lớn nhất của sản xuất hàng hoá là sự phân hóa đời sống dân cư, phân hóa giàu nghèo dẫn đến khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp, lạm phát. Xã hội phát sinh nhiều tiêu cực, tệ nạn xã hội gắn liền với hiện trạng kinh tế sa sút, gây rối loạn xã hội. Vì chạy theo lợi nhuận tối đa dẫn đến sử dụng bừa bãi, tàn phá tài nguyên và hủy diệt môi trường, sinh thái (điển hình là các công ty xả thải bừa bãi ra ngoài môi trường làm ô nhiễm môi trường). Năm 2004, có tới năm doanh nghiệp tư nhân đã nhập khẩu 230 tấn phế liệu không đúng với thực tế khai báo về cảng Sài Gòn đã vi phạm về quy định bảo vệ môi trường. Đặc biệt phải kể đến đó là vụ Formosa Hà Tĩnh năm 2016 đã dội lên một làn sóng phẫn nộ của người dân trên cả nước. Nước thải công nghiệp của công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formusa Hà Tĩnh thải trái phép chưa qua xử lý ra môi trường biển đã làm cho hải sản chết hàng loạt ven biển bốn tỉnh miền Trung, gây thiệt hại nặng nề về tài sản và môi trường sinh thái dưới biển, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, du lịch và đời sống cũng như sức khỏe của người dân. Do đó ở Việt Nam, các “làng ung thư” xuất hiện ngày càng nhiều. Để tối thiểu hóa đầu tư, tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp bất chấp sức khỏe người tiêu dùng, làm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Các vụ việc làm sữa lậu, trà sữa làm từ nguyên liệu kém chất lượng, ngộ độc trà sữa,… ngày càng nhiều.

**d) Giải pháp khắc phục**

Để khắc phục những khuyết điểm, hạn chế của nền sản xuất hàng hóa thì vai trò của Nhà nước rất quan trọng. Chính từ tính ưu việt rất riêng, rất có lợi (tuy bên cạnh đó vẫn còn có những khuyết tật) của sản xất hàng hoá mà tại Đại hội VII Đảng ta đã xác định phương hướng: Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Nhà nước cần phải tăng cường điều chỉnh và quản lý vĩ mô một cách kiên quyết và khôn khéo để mọi hoạt dộng vào khuôn khổ và đều tuân theo pháp luật. Nhà nước cần thiết lập khuôn khổ pháp luật về kinh tế kết hợp với các luật về bảo vệ môi trường sinh thái để xác định hành vi kinh doanh là hợp pháp hay không và có biện pháp xử lý khi có cá nhân hoặc tổ chức vi phạm. Thêm vào đó, Nhà nước phải sử dụng có ý thức các quy luật kinh tế khách quan vào quản lý nền kinh tế sản xuất hàng hóa để phát huy những ưu thế vốn có và ngăn ngừa, hạn chế những mặt trái khuyết tật của nó. Chính vì vậy, sử dụng "Bàn tay hữu hình" của Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc tạo ra hành lang và bước đi cho nền kinh tế thị trường vận động theo định hướng XHCN.

**e) Sự tồn tại khách quan của kinh tế hàng hoá trong thời kỳ quá độ nói chung và ở Việt Nam nói riêng**

Ở Anh, Đức kinh tế hàng hoá xuất hiện từ cuối chế độ cộng sản nguyên thuỷ và phát triển tới ngày nay. Ở mỗi nước tính chất và phạm vi của kinh tế hàng hoá có mức độ khác nhau. Hiện nay hầu hết trên thế giới các nước đều thực hiện kinh tế hàng hoá đó là mô hình kinh tế mà giai đoạn phát triển cao là kinh tế thị trường. Kinh tế hàng hoá là một kiểu tổ chức kinh tế xã hội mà trong đó hình thái phổ biến của sản xuất là sản xuất ra sản phẩm để bán, để trao đổi trên thị trường. Đây cũng chính là những điểm hoàn toàn khác biệt giữa sản xuất hàng hoá và kinh tế hàng hoá muốn có kinh tế hàng hoá phải có sản xuất hàng hoá. Sự tồn tại khách quan của kinh tế hàng hoá thời kỳ quá độ của Việt Nam là một trong những tất yếu khác quan vì điều kiện ra đời và phát triển của kinh tế hàng hoá vẫn được duy trì hoàn toàn giống như trên chỉ khác là Việt Nam đi từ thời kỳ phong kiến lên CNXH. Phân công lao động với tư cách là cơ sở của sự trao đổi.

Nền kinh tế đã và đang tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động. Công nghệ mới, trình độ quản lý nhằm tạo cơ sở để phát triển hàng hoá. Trong thời kỳ quá độ từ TBCN lên XHCN, xét về mặt sở hữu đó là quá trình chuyển từ sở hữu tư nhân về tue liệu sản xuất lên sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất. Cho nên trong nền kinh tế sẽ tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Do vậy ứng với nó là nền kinh tế nhiều thành phần do đặc điểm của thời kỳ quá độ: đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế là sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần và ứng với nó là một xã hội có nhiều giai cấp. Thành phần kinh tế là những tổng thể kinh tế bao gồm những cơ sở về nền kinh tế với những quan hệ kinh tế có những đặc trưng nhất định và những quan hệ kinh tế này là do chế độ sở hữu tư liệu sản xuất quyết định. Khi cách mạng vô sản thành công thì chúng ta phải cải tạo nền kinh tế dựa trên chế độ tư hữu. Bao gồm hai loại chính sau:

* Tư bản lớn: nguyên tắc cải tạo là phải quốc hữu hoá các tư liệu sản xuất và phải tiến hành qua nhiều giai đoạn trong một thời gian dài, tiến hành bằng nhiều biện pháp thích hợp. Vì vậy trong thời kỳ quá độ vẫn tồn tại thành phần kinh tế tư bản tư nhân và người ta hướng thành phần này theo con đường CNTB nhà nước.
* Tư hữu nhỏ: là tư hữu của những người sản xuất cá thể, những người sản xuất hàng hoá nhỏ. Với loại này về nguyên tắc thì không tịch thu các tư liệu sản xuất của họ mà cải tạo họ một cách dần dần thông qua công cuộc hợp tác hoá. Vì vậy trong thời kỳ quá độ tồn tại nền kinh tế hợp tác xã.

Hiện nay ở nước ta còn tồn tại nhiều trình độ phát triển của lực lượng sản xuất: hiện đại có, thô sơ có, nửa cơ khí có. Vì vậy việc thiết lập quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất cũng phải đa dạng do đó ở nước ta còn nhiều thành phần kinh tế. Trong quá trình xây dựng nên kinh tế mới thì có thể xuất hiện thêm một số thành phần kinh tế khác: kinh tế Nhà nước, kinh tế tư bản Nhà nước.

Cơ cấu thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta: theo tư tưởng của Lênin và căn cứ vào điều kiện kinh tế của nước ta, tại Đại hội VIII của Đảng thì ở nước ta đang tồn tại 5 thành phần kinh tế:

* Thành phần kinh tế Nhà nước (kinh tế quốc doanh): đây là thành phần kinh tế tồn tại dựa trên chế độ sở hữu Nhà nước đối với tư liệu sản xuất chủ yếu. Kinh tế nhà nước bao gồm 3 bộ phận sau: Các doanh nghiệp nhà nước: đây là bộ phận quan trọng và chủ yếu nhất của thành phần kinh tế Nhà nước, các doanh nghiệp này trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.

Các ngành kinh tế thuộc sở hữu Nhà nước: những ngành này thì nó cung cấp hàng hoá hoặc dịch vụ cho xã hội, bao gồm: hệ thống cơ sở hạ tầng: giao thông, bưu điện…. Nó bao gồm toàn bộ hệ thống ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, các xí nghiệp liên doanh với các nước ngoài trong đó vốn của nhà nước chiếm tỷ lệ khống chế 51% trở lên.

Những lực lượng vật chất thuộc sở hữu nhà nước như là đất đai, các nguồn tài nguyên, khoáng sản, các vùng trời, vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam. Sự hình thành: Các doanh nghiệp nhà nước được hình thành như sau: Nhà nước đầu tư vốn để xây dựng mới hoàn toàn từ đầu, Nhà nước góp vốn để liên doanh với nước ngoài với tỷ lệ 51% trở lên, Nhà nước quốc hữu hoá các xí nghiệp tư bản tư nhân.

Vai trò của kinh tế nhà nước: trong thời kỳ quá độ và trong nền kinh tế nhiều thành phần thì thành phần kinh tế Nhà nước cần phải giữ được vai trò chủ đạo: kinh tế Nhà nước phải trở thành đòn bẩy để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế Nhà nước phải giữ vai trò là người mở đường hướng dẫn và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, kinh tế Nhà nước phải trở thành lực lượng vật chất chủ yếu để nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô toàn bộ nền kinh tế, kinh tế Nhà nước phải tạo được nền tảng cho chế độ xã hội mới tức là phải trở thành mẫu mực về mọi mặt: năng suất lao động cao, phải tận dụng hết công suất, máy móc, công cụ, làm đủ trách nhiệm với Nhà nước, bảo vệ tốt môi trường.

Kinh tế Nhà nước ở nước ta hiện nay mặc dù là nắm giữ một lượng tài sản tương đối lớn (chiếm 2/3 tài sản quốc gia, 80% lực lượng lao động lành nghề) nhưng kinh tế Nhà nước hoạt động chưa hiệu quả: năng suất lao động thấp, chưa sử dụng hết máy móc, thiết bị, nhiều xí nghiệp là ăn thua lỗ, phá sản làm thất thoát vốn của Nhà nước. Hiện nay nước ta có 600 doanh nghiệp nhà nước, 35% làm ăn có lãi còn lại 60% làm ăn không có lãi trong đó 25% liên tục bị lỗ. Vì vậy để củng cố thành phần kinh tế Nhà nước thì: Nhà nước phải đầu tư một cách đồng bộ cả vốn, công nghệ, nhân lực cho những nhân lực kinh tế đang nắm những khâu then chốt của nền kinh tế quốc dân. Ví dụ: ngành điện, dầu khí… Thành lập các Tổng công ty Nhà nước để tạo thành những ngành mũi nhọn trong nền kinh tế. Tích cực đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước. Biến doanh nghiệp Nhà nước thành các công ty cổ phần. Đối với những doanh nghiệp thường xuyên làm ăn thua lỗ thì giải quyế bằng bán hoặc cho thuê hoặc cho tổ chức đấu thầu, khoán.

* Thành phần kinh tế hợp tác: là thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất nó bao gồm các đơn vị kinh tế do cá nhân những người lao động tự nguyện góp vốn, góp sức kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Nó tồn tại dưới các dạng sau: hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng.

Đặc điểm: các hợp tác xã được hình thành với những quy mô và mức độ khác nhau tuỳ theo sự phát triển của lực lượng sản xuất. Người lao động thì được tự do trong việc tham gia cũng như rút lui khỏi hợp tác xã. Nếu xét về hiệu quả kinh tế thì hợp tác xã ở nước ta làm ăn hiệu quả hơn. Nhiều hợp tác xã có doanh thu lớn, thu nhập xã viên cao, hàng hoá có sức cạnh tranh. Tuy nhiên ở nước ta hiện nay vẫn còn những hợp tác xã làm ăn thua lỗ, hiệu quả kém, thu nhập thấp, nhiều tiêu cực trong quản lý.

Phương pháp củng cố: phải giải quyết thoả đáng vấn đề tư hữu về tư liệu sản xuất, nhất là đất đai trong nông nghiệp phải thực hiện giao quyền sử dụng lâu dài đối với đất, rừng, mặt nước cho các hộ sử dụng. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng trong nhiều lĩnh vực: giao thông vận tải, xây dựng chế biến nông lâm hải sản… Mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác nhưng phải triệt để theo đúng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng dân chủ và việc tổ chức các hợp tác xã này phải theo đúng luật hợp tác mới ban hành năm 1997. Nhà nước có những biện pháp cần thiết hỗ trợ, giúp đỡ các hợp tác xã về vốn, về nhân lực, về tiêu thụ sản phẩm.

* Thành phần kinh tế cá thể: là thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất dựa trên lao động của bản thân người sản xuất nên không có hiện tượng bóc lột lao động. Thành phần này chịu sự tác động của quy luật giá trị và tác động của thị trường.

Đặc điểm: do làm chủ về tư liệu sản xuất và sức lao động nên thành phần này có thể nói là họ rất năng động, linh hoạt dễ thích nghi với thị trường, vì vậy thành phần này có thể khai thác triệt để các thế mạnh về vốn, về lao động, về tay nghề của từng cá nhân, từng gia đình hoặc từng cộng đồng để làm ra nhiều hàng hoá trong xã hội. Vị trí: trong suốt thời kỳ quá độ thì thành phần này giữ một vị trị rất quan trọng nó cùng với một số ngành công nghiệp nhẹ khác cung cấp những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân: lương thực, thực phẩm, đồ dùng gia đình…

Thực trạng phát triển: trước năm 1986 thành phần này bị phân biệt đối xử do đó không được phát triển. Sau năm 1986 thành phần này được coi trọng và được khuyến khích phát triển với tền gọi là kinh tế gia đình.

* Thành phần kinh tế tư bản tư nhân: là thành phần kinh tế dựa trên chế độ tư hữu tư bản về tư liệu sản xuất có thuê mướn lao động nên có hệ thống bóc lột lao động làm thuê: Các xí nghiệp tư nhân của người Việt Nam, các xí nghiệp tư nhân của người Việt Nam và người nước ngoài cùng cộng tác, các công ty và các tổ chức làm dịch vụ.

Thế mạnh: quá nhiều phương pháp linh hoạt để huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Nó có khả năng sử dụng khoa học kỹ thuật công nghệ mới và đổi mới nhanh các thiết bị. Nó có trình độ quản lý cao, có kinh nghiệm trong việc điều hành sản xuất vì vậy có thể nói thành phần này có vai trò lớn trong việc phát triển sản xuất.

Nhược điểm: do chạy theo lợi nhuận tối đa nên nhiều doanh nghiệp tư bản tư nhân có việc làm trái pháp luật: bóc lột công nhân quá mức, bắt công nhân làm quá giờ, tăng ca. Họ kinh doanh những mặt hàng trái với đăng ký trong giấy phép, trốn thuế, gian lận trong thương mại.

Thái độ của Nhà nước ta: một mặt vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho thành phần kinh tế phát triển nhưng mặt khác cần phải tăng cường kiểm soát, giám sát những hành động của thành phần này đưa các thành phần này theo con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước.

* Thành phần kinh tế tư bản Nhà nước: là thành phần kinh tế được ra đời dựa trên lý luận về chủ nghĩa tư bản Nhà nước của Lênin. Thành phần kinh tế này được hình thành trên cơ sở Nhà nước và các tư bản cùng góp vốn kinh doanh và nó tồn tại dưới các dạng sau: các xí nghiệp công ty hợp doanh tồn tại ở nước ta sau năm 1954 ở Miền Bắc và sau 1975 ở Miền Nam, các liên doanh nước ngoài: sản xuất ô tô, lắp ráp xe máy, sản xuất các mặt hàng điện tử, Nhà nước cho thuê tài sản (cho thuê đất)….

Vai trò và tác dụng: trong thời kỳ quá độ ở nước ta thành phần này giữ vai trò là những hình thức kinh tế giữ sinh ra để chuyển biến từ những thành phần kinh tế phi XHCN thành thành phần kinh tế XHCN: nó tạo thêm công ăn việc làm, làm tăng thêm sản phẩm xã hội và nó là điều kiện để chúng ta tiếp xúc với công nghệ mới, cách thức quản lý mới và qua đây ta hoà nhập được với thế giới.

**II/ Liên hệ ở Việt Nam**

Trong giai đoạn quá độ lên CNXH, ở nước ta những điều kiện chung của kinh tế hàng hoá vẫn còn bởi vậy nền kinh tế hàng hoá tồn tại là một tất yếu khách quan: Phân công lao động xã hội với tư cách là cơ sở của trao đổi chẳng những không mất đi, trái lại ngày một phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Sự chuyên môn hoá và hợp tác hoá lao động đã vượt khỏi biên giới quốc gia và ngày càng mang tính quốc tế. Phân công lao động xã hội đã phá vỡ các mối quan hệ truyền thống của nền kinh tế tự nhiên khép kín, tạo cơ sở thống nhất, phụ thuộc lẫn nhau giữa những người sản xuất vào hệ thống của hợp tác lao động. Sự phân công lao động của ta đã ngày càng chi tiết hơn đến từng ngành, từng cơ sở và ở phạm vi rộng hơn nữa là toàn bộ nền kinh tế quốc dân. hiện nay ta đã có hàng loạt các thị trường được hình thành từ sự phan công lao động đó là: Thị trường công nghệ, thị trường các yếu tố sản xuất,…tạo đà cho nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phát triển giúp ta nhanh chóng hoà nhập được với kinh tế trong khu vực và thế giới.

Trong nền kinh tế đã và đang tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể của những người sản xuất hàng hoá nhỏ, sở hữu tư nhân TBCN, sở hữu hỗn hợp, đồng sở hữu,…Chế độ xã hội hoá sản xuất giữa các ngành, các xí nghiệp trong cùng một hình thức sở hữu vẫn chưa đều nhau. Sở dĩ như vậy là do cơ cấu kinh tế của ta giờ là cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, sự tồn tại của các thành phần kinh tế là một tất yếu khách quan.

Sản xuất hàng hoá là để trao đổi đáp ứng nhu cầu của xã hội nên người sản xuất có điều kiện để chuyên môn hoá cao. Trình độ tay nghề được nâng lên do tích luỹ kinh nghiệm, tiếp thu được tri thức mới. Công cụ chuyên dùng được cải tiến, kỹ thuật mới được áp dụng do đó cạnh cạnh tranh ngày càng gay gắt khiến cho năng suất lao động được nâng lên, chất lượng sản phẩm ngày càng được cải thiện và tốt hơn. Hiệu quả kinh tế được trú trọng làm mục tiêu đánh giá sự hoạt động của các thành phần kinh tế. Việc trao đổi hàng hoá dựa trên nguyên tắc ngang giá khiến cho người sản xuất luôn tìm cách tiết kiệm giảm đến mức tối đa những chi phí cá biệt, giảm giá trị hàng hoá cá biệt để có lợi nhuận khi trao đổi. Trên cơ sở phân công lao động, sản xuất hàng hoá phát triển. Khi sản xuất hàng hoá phát triển sẽ làm phân công lao động ngày càng cao hơn, sâu hơn. Quan hệ hàng hoá, tiền tệ, quan hệ thị trường ngày càng được chủ thể sản xuất hàng hoá vận dụng có hiệu quả hơn và từ đó ngoài các quan hệ kinh tế phát triển mà các quan hệ pháp lý xã hội, tập quán, tác phong cũng thay đổi. Chính từ tính ưu việt rất riêng, rất có lợi (tuy bên cạnh đó vẫn còn có những khuyết tật) của sản xất hàng hoá mà tại đại hội VII Đảng ta đã xác định phương hướng: Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

**Phần 3: Kết luận**

Việt Nam hiện nay trong giai đoạn quá độ lên CNXH đó là một thời kỳ phức tạp và đầy biến động, một thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng cho CNXH để hoàn thành cách mạng dân dân chủ. Với điểm xuất phát thấp, điều kiện kinh tế khó khăn và có nhiều trở ngại, muốn phát triển kinh tế bền vững ta thực hiện nền kinh tế hàng hoá là một bước ngoặt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội là một tất yếu và cần thiết. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã xuất hiện nhiều khó khăn, phức tạp và đã tác động đến mặt xã hội nói chung. Để hạn chế những tác động tiêu cực này ta cần định hướng cho nền kinh tế phát triển, buộc nó phải đi theo con đường mà chúng ta lựa chọn là xây dựng CNXH. Chính vì vậy chính sách phát triển của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự định hướng XHCN là một yêu cầu cấp thiết và hợp lý của quy luật phát triển, nó thể hiện tư tưởng tiến bộ, sáng suốt của Đảng. Trong khi thực hiện từng bước sự chuyển đổi này chúng ta phải giữ vững định hướng XHCN, đứng ngang tầm với mục tiêu phát triển kinh tế. Muốn vậy cần phải ngày càng hoàn chỉnh bộ máy Nhà Nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo đưa nước ta đi theo con đường XHCN như đã chọn.

**Phần 4: Tài liệu tham khảo**

1. Đề cương bài giảng Kinh tế chính trị Mác- Lênin
2. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin
3. Báo kinh tế

*THE END*